

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1948.

2.2. Ông Phan Văn L, sinh năm: 1930.

2.3. Ông Trần Văn D, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phan Thị C, sinh năm: 1955.

3.2. Ông Phan Văn M, sinh năm: 1963.

3.3. Ông Phan Văn N, sinh năm: 1966.

3.4. Bà Phan Thị T, sinh năm: 1968.

- 3.5. Ông Phan Văn C, sinh năm: 1973.
 3.6. Bà Phan Thị Bích H, sinh năm: 1978.
 3.7. Bà Tô Thị C, sinh năm: 1961.
 3.8. Ông Trần Minh Đ, sinh năm: 1995.
 3.9. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1973.
 3.10. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1970.
 3.11. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1997.
 3.12. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1998.
 3.13. Bà Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm: 2000.
 3.14. Bà Lê Thị G, sinh năm: 1978.
 3.15. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1952.
 3.16. Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1983.
 3.17. Ông Hồ Xuân T, sinh năm: 1984.
 3.18. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964.
 3.19. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966.
 Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 3.20. Ông Trần Đức G, sinh năm: 1988.
 Địa chỉ: Khóm X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
 3.21. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1981.
 Địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Q, ông Q, ông D, bà H, ông L, bà Đ, bà H, anh G có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Năm 1969, cha ông là ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Trần Văn L (cha ông Q, ông D) phần đất diện tích 03 mẫu. Theo giấy tay chuyển nhượng đất thể hiện rõ vị trí đất cách công lộ 20 thước (mét). Sau khi chuyển nhượng, do nghĩ phần diện tích đất còn lại thuộc phạm vi Quốc lộ nên gia đình ông không có sử dụng. Đến khi Nhà nước thu hồi đất để mở rộng Quốc lộ 30 thì ông mới biết phần đất tranh chấp đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, ông D. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ **Phản yêu cầu đối với ông Q:** Theo đơn khởi kiện ông Q yêu cầu ông Trần Văn Q và ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả phần đất chiều ngang giáp Quốc lộ 30 là 36m, chiều dài 20m, diện tích 720m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn L đứng tên thuộc một phần

thửa 1152, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông chỉ yêu cầu ông Q, ông L trả lại phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 473,8m² (trong đó có phần diện tích 132,9m² Nhà nước thu hồi để mở rộng Quốc lộ 30).

Đối với 03 căn nhà của ông L, bà H, bà Đ đang ở trên phần đất tranh chấp ông yêu cầu trả cho ông theo giá trị đất là 600.000đ/m².

Đối với số tiền Nhà nước bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30, ông thống nhất sau này Tòa án giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được nhận bồi thường. Ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

+ Phần yêu cầu đối với ông D: Theo đơn khởi kiện ông Q yêu cầu ông Trần Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả phần đất chiều ngang giáp Quốc lộ 30 là 41m, chiều dài 20m, diện tích 820m², đất do ông Trần Văn D đứng tên thuộc một phần thửa 1154, tờ bản đồ số 2, đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông chỉ yêu cầu ông D trả lại phần diện tích đất theo đo đạc thực tế là 511,2m² (trong đó có phần diện tích 138m² Nhà nước thu hồi để mở rộng Quốc lộ 30).

Đối với số tiền Nhà nước bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30, ông thống nhất sau này Tòa án giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được nhận bồi thường. Ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Trường hợp hiện nay, phía ông Q, ông D và những người đang sử dụng đất đồng ý cho ông nhận tiền Nhà nước bồi thường đất mở rộng Quốc lộ 30 thì ông không tranh chấp nữa.

- Bị đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Phần đất ông Q tranh chấp trước đây thuộc quyền sử dụng của ông (có nguồn gốc do cha ông cho hơn 50 năm nay). Sau khi được cho đất, ông trực tiếp sử dụng đến khoảng năm 2011 thì chuyển nhượng lại cho ông L, bà H, bà Đ và bà H sử dụng đến nay. Trong quá trình sử dụng không có ai tranh chấp. Do đó, hiện nay ông không đồng ý theo yêu cầu ông Q.

Đối với tiền Nhà nước bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30 hiện nay ông không còn liên quan, số tiền này tự ông L, bà H, bà Đ, bà H và ông L thỏa thuận với nhau.

- Bị đơn ông Phan Văn L vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ông L trình bày: Mọi ý kiến của con Phan Thị Bích H nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án ông hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Bị đơn ông Trần Văn D trình bày:

Phần đất ông Q tranh chấp trước đây thuộc quyền sử dụng của ông (có nguồn gốc do cha ông cho năm 1990). Sau khi được cho đất, ông trực tiếp sử

dụng đến nay, không có ai tranh chấp và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu ông Q.

Đối với tiền Nhà nước bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30 ông thống nhất sau này giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được nhận tiền bồi thường. Ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bích H trình bày:

Phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Q nhưng cha bà là ông Phan Văn L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trước đây bà cũng có nhận chuyển nhượng một phần của ông Q). Trên phần đất tranh chấp có nhà của bà H, ông L, bà Đ; trường hợp sau này Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q thì gia đình bà sẽ tự thỏa thuận với bà H, ông L, bà Đ về việc chuyển quyền sang tên sau.

Đối với yêu cầu của ông Q bà không đồng ý. Về tiền Nhà nước bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30, giữa bà với bà H, ông L, bà Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Trường hợp Tòa án giải quyết giao đất cho ông Q thì bà đồng ý cho ông Q nhận tiền bồi thường.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Đ trình bày:

Phần đất tranh chấp ông, bà nhận chuyển nhượng từ ông Q vào khoảng năm 2011, cất nhà sử dụng không có ai tranh chấp (chỉ phát sinh tranh chấp từ thời điểm Nhà nước bồi thường đất mở rộng Quốc lộ 30). Hiện nay, ông bà không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu của ông Q.

Trường hợp sau này Tòa án giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q thì gia đình ông bà sẽ tự thỏa thuận với gia đình ông L về việc chuyển quyền sang tên sau.

Đối với tiền Nhà nước bồi thường đất mở rộng Quốc lộ 30, giữa ông bà với gia đình ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Trường hợp Tòa án giải quyết giao đất cho ông Q thì ông bà đồng ý cho ông Q nhận tiền bồi thường.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị C, ông Trần Đức G trình bày:

Đồng ý theo ý kiến ông D, không có ý kiến hoặc yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà C, ông M, ông N, bà T, ông C vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày: Mọi ý kiến của bà Phan Thị Bích H nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông H, ông M, ông T, bà K vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày: Mọi ý kiến của bà Hạnh nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G, bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày: Mọi ý kiến của ông L nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Xuân T vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày: Mọi ý kiến của bà Đ nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

Theo đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt trình bày: Mọi ý kiến của ông Q nêu ra trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án hoàn toàn thống nhất và không có thắc mắc hay khiếu nại về sau.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 2, Điều 73 Luật đất đai năm 1993, Điều 166 Luật đất đai năm 2013 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã lấy lời khai đương sự, người làm chứng, xem xét thẩm định tại chỗ, yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Q yêu cầu ông Q trả phần đất diện tích 473,8m² thuộc một phần thửa 1152, tờ bản đồ số 2 (đối chiếu bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa 32 và một phần thửa 31, tờ bản đồ số 11), yêu cầu ông D trả phần đất diện tích 511,2m² thuộc một phần thửa 1154, tờ bản đồ số 2 (đối chiếu bản đồ địa chính chính quy thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 11) đất

tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp; nên xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 9, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phan Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đất tọa lạc tại xã An Hòa nên theo quy định khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Q yêu cầu ông Q trả phần đất diện tích 473,8m² thuộc một phần thửa 1152, tờ bản đồ số 2, yêu cầu ông D trả phần đất diện tích 511,2m² thuộc một phần thửa 1154, tờ bản đồ số 2 đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[4] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: Phần đất hiện nay ông Q tranh chấp với ông Q, ông D, ông L trước đây cha ông Q (ông Nguyễn Văn T) chuyển nhượng cho ông L (cha ông Q, ông D) vào năm 1969. Theo giấy tay chuyển nhượng đất năm 1969 thể hiện phần đất chuyển nhượng cách công lộ 20m. Từ thời điểm chuyển nhượng năm 1969 gia đình ông T không còn sử dụng phần đất từ tiếp giáp đất chuyển nhượng cho ông L đến công lộ (hiện nay là Quốc lộ 30).

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông L cho lại ông Q (cách đây hơn 50 năm) một phần, phần còn lại cho ông D (từ năm 1990) và ông Q, ông D quản lý, sử dụng đất trồng cây, đào đất đắp nền nhà; ông Q chuyển nhượng cho bà H, bà Đ, ông L một phần diện tích đất để cất nhà nhưng ông Q không có tranh chấp. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định ông Q, ông D đã sử dụng phần đất tranh chấp từ hơn 30 năm nay mà ông Q không tranh chấp. Tại phiên tòa, ông Q trình bày do nghĩ phần đất thuộc phạm vi Quốc lộ 30, và lại do phải đi làm ăn xa nên ông không sử dụng phần đất tranh chấp là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về việc kê khai, đăng ký đất: Theo Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước thì toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm đảm bảo ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức và cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình sử dụng vào sổ địa chính của Nhà nước. Thời điểm đó, ông Q không sử dụng phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp, không tiến hành kê khai đăng ký đất, người sử dụng là gia đình ông Q, ông D. Năm 1994, ông D, ông L tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, tại thời điểm kê khai đăng ký ông D trực tiếp sử dụng đất; ông L không trực tiếp sử

dụng đất, người trực tiếp sử dụng đất là ông Q, tuy nhiên hiện nay ông Q không tranh chấp về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

[6] Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, ông D: Đến năm 1994, ông L, ông D tiến hành kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giữa ông L và ông Q không có tranh chấp). Tại phiên tòa ông Q, ông D thừa nhận nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng từ ông T vào năm 1969. Tuy nhiên, sau đó ông Q (con ông T) không quản lý, sử dụng và tại thời điểm đăng ký quyền sử dụng đất người trực tiếp sử dụng là ông L, ông D. Theo Công văn của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, ông D là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, ông Q trình bày căn cứ để ông yêu cầu là Tờ bán đất đức năm 1969 và Họa đồ khu đất do Ty Bảo Thủ Điền Thổ Châu Đốc cấp; ngoài ra, ông không còn chứng cứ nào khác. Xét thấy chứng cứ do ông Q cung cấp là không có cơ sở chấp nhận vì mặc dù theo giấy chuyển nhượng đất năm 1969, phần đất chuyển nhượng cách công lộ 20m. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng gia đình ông Q không còn tiếp tục sử dụng phần đất hiện nay đang tranh chấp, người sử dụng đất là ông D, ông Q (sử dụng hơn 30 năm nay), trong quá trình sử dụng ông Q không tranh chấp. Đến năm 1994, ông D, ông L kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là phù hợp.

[8] Đối với phần diện tích đất ông Q tranh chấp với ông Q, ông L, bà H, bà Đ, ông L. Phần đất này hộ ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông Q chuyển nhượng cho bà H, bà Đ, ông L. Tại phiên tòa, bà H (con ông L) thừa nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Q, trước đây bà cũng có nhận chuyển nhượng của ông Q một phần diện tích để làm đường đi. Mặt khác, hiện nay giữa ông Q, hộ ông L, bà H, bà Đ, ông L không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với phần diện tích đất Nhà nước thu hồi để mở rộng Quốc lộ 30, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất sau này Tòa án giải quyết đất thuộc quyền sử dụng của ai thì người đó được nhận tiền bồi thường, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không đưa cơ quan đang quản lý số tiền bồi thường đất để mở rộng Quốc lộ 30 vào tham gia tố tụng trong vụ án. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q nên ông L, ông D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục thu hồi phần diện tích đất mở rộng Quốc lộ 30 theo quy định.

Tóm lại, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc (Ông Q đã nộp xong).

[11] Về án phí: Dương sự là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 166 Luật đất đai;
- Áp dụng Điều 2, Điều 73 Luật đất đai năm 1993;
- Áp dụng Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản Điều 244, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 6, Điều 9 và điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q đối với ông Trần Văn D, ông Trần Văn Q, ông Phan Văn L, bà Lê Thị H, bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Văn L.

2/ Hộ ông Trần Văn D (gồm các thành viên Trần Văn D, Tô Thị C, Trần Đức G, Trần Minh Đ) được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 373,2m² trong phạm vi các mốc 3 – 4 – 9 – 8 trở về mốc 3 (Từ mốc 3 đến mốc 4 là 39,25m, từ mốc 4 đến mốc 9 là 9,81m, từ mốc 9 đến mốc 8 là 39,27m, từ mốc 8 đến mốc 3 là 9,22m) thuộc một phần thửa 37 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông Trần Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành thủ tục thu hồi phần diện tích đất mở rộng Quốc lộ 30 theo quy định.

3/ Hộ ông Phan Văn L (gồm các thành viên Phan Thị C, Phan Văn M, Phan Văn N, Phan Thị T, Phan Văn C, Phan Thị Bích H) được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 340,9m² trong phạm vi các mốc 2 – 3 – 8 – 7 trở về mốc 2 (Từ mốc 2 đến mốc 3 là 36,37m, từ mốc 3 đến mốc 8 là 9,22m, từ mốc 8 đến mốc 7 là 36,36m, từ mốc 7 đến mốc 2 là 8,31m) thuộc thửa 32 và một phần thửa 31 tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại xã An Hòa, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Hộ ông Phan Văn L có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành thủ tục thu hồi phần diện tích đất mở rộng Quốc lộ 30 theo quy định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông).

4/ Về chi phí đo đạc: Do yêu cầu của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc (Ông Q đã nộp xong).

5/ Về án phí: Ông Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định pháp luật.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Duy Khang